

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ
và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế,
giai đoạn 2021 – 2030**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Nghị quyết này được áp dụng và triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Nghị quyết này.

b) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh, cá nhân trên địa bàn tỉnh (sau đây được gọi chung là doanh nghiệp) có đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ.

c) Các nhiệm vụ của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021 - 2030 được ưu tiên hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; các nội dung phát triển sở hữu công nghệ cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chính sách này không áp dụng đối với các doanh nghiệp có các dự án đang được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ theo quy định này đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng.

2. Chỉ hỗ trợ đối với các nội dung chưa nhận hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước.

3. Trường hợp các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết đồng thời đáp ứng điều kiện theo Quy định này và các quy định khác có liên quan thì được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi ích nhất.

4. Tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa

vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước, không vi phạm pháp luật và đang hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký sản xuất, kinh doanh (theo cam kết của doanh nghiệp); chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực đối với các tài liệu liên quan cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, cũng như các nội dung đã cam kết bằng văn bản trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

5. Căn cứ nguồn lực hỗ trợ, cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp quyết định số lượng doanh nghiệp được nhận hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc:

a) Doanh nghiệp do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước.

b) Doanh nghiệp nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được hỗ trợ trước.

c) Về ưu tiên các doanh nghiệp có một hoặc nhiều tiêu chí sau đây:

- Tham gia sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh; sản xuất hàng xuất khẩu, các mặt hàng thuộc các lĩnh vực được tỉnh ưu tiên phát triển;

- Doanh nghiệp có trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

- Doanh nghiệp đã đạt Giải thưởng chất lượng Việt Nam hoặc đạt Giải thưởng cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh;

- Không vi phạm các quy định của pháp luật về môi trường;

- Thực hiện tốt các hoạt động xã hội;

- Doanh nghiệp có hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công nghệ* là giải pháp, quy trình, bí quyết có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.

2. *Công nghệ tiên tiến* là công nghệ có trình độ công nghệ cao hơn trình độ công nghệ cùng loại hiện có tại Việt Nam, đã được ứng dụng trong thực tiễn, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vượt trội và thân thiện với môi trường.

3. *Công nghệ mới* là công nghệ lần đầu tiên được tạo ra hoặc ứng dụng tại Việt Nam hoặc trên thế giới, có trình độ cao hơn trình độ công nghệ cùng loại hiện có tại Việt Nam, thân thiện với môi trường, có tính ứng dụng trong thực tiễn và khả năng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

4. *Công nghệ cao* là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.

5. *Chuyển giao công nghệ* là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

6. *Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ* là hoạt động khai thác, hoàn thiện, ứng dụng, chuyển giao, hoạt động khác có liên quan đến kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm mục đích

thu lợi nhuận.

7. *Ươm tạo công nghệ* là quá trình nhằm tạo ra, hoàn thiện, thương mại hóa công nghệ từ ý tưởng công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc từ công nghệ chưa hoàn thiện thông qua các hoạt động trợ giúp về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.

8. *Đổi mới công nghệ* là hoạt động thay thế một phần hoặc toàn bộ công nghệ đang sử dụng bằng một phần hoặc toàn bộ công nghệ khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

9. *Giải mã công nghệ* là quá trình tìm nguyên lý công nghệ thông qua nghiên cứu, phân tích cấu trúc, thiết kế, chức năng và hoạt động của một thiết bị, đối tượng, hệ thống cần giải mã nhằm bảo trì, khai thác, cải tiến hoặc tạo ra thiết bị, đối tượng, hệ thống mới có tính năng tương đương hoặc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

10. *Cải tiến công nghệ* là quá trình hoàn thiện, nâng cao khả năng công nghệ đang sử dụng để mang lại hiệu quả hơn hoặc làm cho công nghệ phù hợp với thực tế sản xuất và mang lại hiệu quả.

Chương II **LOẠI HÌNH, NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ**

Điều 4. Các loại hình công nghệ, sở hữu trí tuệ được hỗ trợ

1. Công nghệ tạo sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao.
2. Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
3. Công nghệ nhằm nâng giá trị gia tăng, cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; công nghệ giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động; công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.
4. Tiếp nhận công nghệ tiên tiến; các phương pháp gia công mới, tiên tiến; công nghệ thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển (công nghệ thông tin, công nghệ cao, công nghệ sinh học, y dược, du lịch, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương), giải mã công nghệ.
5. Nghiên cứu đổi mới, cải tiến công nghệ; thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị nhập ngoại.
6. Thực hiện xây dựng và áp dụng các công nghệ quản lý tiên tiến, hoạt động tiêu chuẩn hóa. Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ và phát triển công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
7. Hỗ trợ tham gia các sự kiện khoa học và công nghệ.
8. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
9. Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế liên quan đến phát triển tài sản trí tuệ (bao gồm: bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng mới,...).
10. Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn

kỹ thuật; các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng. Hỗ trợ doanh nghiệp chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; truy suất nguồn gốc, mã số mã vạch.

11. Các trường hợp đặc biệt (hỗ trợ cho các doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của lĩnh vực, ngành, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 5. Điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ chuyên gia công nghệ

a) Điều kiện được hỗ trợ: Doanh nghiệp đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Hợp đồng chuyển giao công nghệ có công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; có Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ); được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, nghiệm thu theo quy định;

- Công nghệ chuyển giao là công nghệ ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh, gồm: Công nghệ thông tin, công nghệ cao, công nghệ sinh học, y dược, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương, được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, nghiệm thu theo quy định.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp;

- Hỗ trợ một phần kinh phí hợp đồng mua công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, bí quyết công nghệ;

- Hỗ trợ một phần kinh phí mua thiết bị công nghệ trong hợp đồng chuyển giao công nghệ có kèm thiết bị.

c) Mức hỗ trợ:

- Hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị trên 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng): Được hỗ trợ 20% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng)/hợp đồng;

- Hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị từ 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) đến 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng): Được hỗ trợ 25% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)/hợp đồng;

- Hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị dưới 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng): Được hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 100.000.000 đồng/hợp đồng (một trăm triệu đồng);

- Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư hoặc các ngành nghề ưu tiên, như công nghệ thông tin, công nghệ cao, công nghệ sinh học, y dược, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ: Được hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/hợp đồng;

- Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức

ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Theo quy định hiện hành về thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Hỗ trợ đối với dự án đổi mới, cải tiến công nghệ, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ

a) Điều kiện được hỗ trợ:

- Dự án đổi mới, cải tiến công nghệ, thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động đến môi trường;

- Doanh nghiệp có dự án đổi mới, cải tiến công nghệ, thiết bị, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, nghiệm thu theo quy định;

- Mỗi doanh nghiệp nhận được hỗ trợ tối đa 02 dự án đổi mới, cải tiến công nghệ, thiết bị.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Được hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, qui trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ;

- Hỗ trợ một phần kinh phí mua công nghệ, thiết bị.

c) Mức hỗ trợ:

- Dự án đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ có giá trị trên 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), được hỗ trợ 20% giá trị, nhưng tối đa không quá 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng)/dự án;

- Dự án đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ có giá trị từ 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) đến 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), được hỗ trợ 25% giá trị, nhưng tối đa không quá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/dự án;

- Dự án đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ có giá trị từ 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) đến dưới 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), được hỗ trợ 30% giá trị, nhưng tối đa không quá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)/dự án;

- Dự án đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ có giá trị dưới 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), được hỗ trợ 35% giá trị, nhưng tối đa không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)/dự án;

- Hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ tối đa 30% giá trị phần công nghệ được giải mã, nhưng tối đa không quá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/tổ chức, cá nhân.

3. Hỗ trợ lãi suất vay vốn để thực hiện dự án ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

- Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) từ tổ chức khoa học và công nghệ;

- Công nghệ được chuyển giao thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Có hợp đồng vay vốn từ ngân hàng và hồ sơ, chứng từ trả nợ lãi vay.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 2%/năm lãi suất vay vốn, nhưng tối đa không quá 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng)/dự án để thực hiện dự án nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ nhằm cải tiến, đổi mới công nghệ, sử dụng tối đa hiệu suất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

4. Hỗ trợ thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa kết quả nghiên cứu bằng hình thức thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định

a) Điều kiện được hỗ trợ: Doanh nghiệp có hồ sơ dự án đáp ứng tiêu chí về dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định

b) Nội dung và định mức hỗ trợ:

- Tối đa 50% tổng kinh phí đầu tư mới thực hiện dự án triển khai tại địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành hoặc dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, tổng kinh phí hỗ trợ không tối đa quá 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng)/dự án khoa học và công nghệ;

- Tối đa đến 30% tổng kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (không tính giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư thực hiện dự án) nhưng tối đa không quá 500.000.000 đồng/dự án khoa học và công nghệ.

5. Hỗ trợ đối với hoạt động áp dụng các công nghệ quản lý tiên tiến, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm dịch vụ

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Đối với xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến: Doanh nghiệp đã xây dựng, áp dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng (Giấy chứng nhận được cấp bởi tổ chức chứng nhận hoạt động theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp);

- Đối với đánh giá hợp chuẩn, hợp quy: Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận Hợp chuẩn, hợp quy (Giấy chứng nhận được cấp bởi Tổ chức chứng nhận hoạt động theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp);

- Đối với xây dựng tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn cơ sở được chính Doanh nghiệp công bố phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (đối với sản phẩm, dịch vụ chưa có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng);

- Đối với áp dụng công cụ nâng cao năng suất chất lượng: Doanh nghiệp đã áp dụng công cụ nâng cao năng suất chất lượng và có Giấy chứng nhận do tổ chức có chức năng chứng nhận cấp;

- Đối với áp dụng mô hình hoặc giải pháp công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Doanh nghiệp đã xây dựng, áp dụng và gắn tem truy xuất nguồn gốc lên sản phẩm đảm bảo tính xác thực, được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định nghiệm thu;

- Đối với áp dụng công nghệ mã số mã vạch: Doanh nghiệp đã được Tổng

cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp giấy chứng nhận đăng ký và sử dụng mã số mã vạch.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ tối đa không quá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)/01 doanh nghiệp được chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000 và hệ thống quản lý thực hành tốt theo tiêu chuẩn VietGap, hỗ trợ không quá 01 chứng nhận/doanh nghiệp/trong suốt quá trình hoạt động;

- Hỗ trợ tối đa không quá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)/01 doanh nghiệp được chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến về chất lượng, môi trường, an toàn thực phẩm, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tiên tiến (ISO 14001, ISO 9001, ISO 27001, ISO 26000, GMP, HACCP, ISO 50001, ISO 17025; các công cụ quản lý tiên tiến: 5S, Kaizen, Lean6sigma,...), hỗ trợ không quá 10 doanh nghiệp/năm và không quá 02 chứng nhận/doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động;

- Hỗ trợ 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng)/01 doanh nghiệp/01 sản phẩm được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương, hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và không quá 02 sản phẩm/doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động;

- Hỗ trợ 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng)/01 doanh nghiệp/01 sản phẩm được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, hoặc tiêu chuẩn quốc tế và hỗ trợ không quá 01 sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp và không quá 02 sản phẩm/doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động;

- Hỗ trợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/01 sản phẩm xây dựng, áp dụng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với những sản phẩm chưa có tiêu chuẩn quốc gia và hỗ trợ tối đa không quá 01 sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp và không quá 03 sản phẩm/doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động;

- Hỗ trợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/doanh nghiệp áp dụng áp công nghệ mã số mã vạch và hỗ trợ tối đa không quá 15 doanh nghiệp/năm;

- Hỗ trợ xây dựng về kiểm soát, truy xuất nguồn gốc xuất xứ, chất lượng đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh: Tối đa không quá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)/doanh nghiệp và không quá 10 doanh nghiệp/năm.

6. Hỗ trợ đối với phát triển tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ theo định mức để khuyến khích phát triển tài sản trí tuệ

Điều kiện được hỗ trợ:

- Đối với nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, giải pháp hữu ích: Doanh nghiệp đã có văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Đối với hỗ trợ tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn: Phải có đề án đề nghị hỗ trợ.

Nội dung và định mức hỗ trợ:

- Đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)/văn bằng bảo hộ được cấp;

- Đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/văn bằng bảo hộ được cấp, tối đa không quá 02 kiểu dáng công nghiệp/năm/doanh nghiệp;

- Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thông thường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/văn bằng bảo hộ nhãn hiệu được cấp, không quá 01 văn bằng bảo hộ nhãn hiệu/năm/doanh nghiệp và mỗi doanh nghiệp hỗ trợ không quá 03 văn bằng bảo hộ nhãn hiệu trong suốt quá trình hoạt động;

- Đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng)/văn bằng bảo hộ được cấp;

- Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của đặc sản địa phương ra nước ngoài: Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)/văn bằng bảo hộ tại các nước ASEAN và 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng)/văn bằng bảo hộ tại các nước khác. Cụ thể: Hỗ trợ 80% kinh phí sau khi được chấp nhận đơn hợp lệ và hỗ trợ tiếp 20% kinh phí còn lại sau khi văn bằng bảo hộ được cấp, trong suốt quá trình hoạt động mỗi doanh nghiệp hỗ trợ không quá 02 lần;

- Hỗ trợ tham gia Hội chợ, triển lãm giới thiệu đặc sản, sản phẩm làng nghề trong nước không quá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng)/01 doanh nghiệp cho một lượt tham gia; hỗ trợ tối đa không quá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)/doanh nghiệp cho 01 lượt tham gia Hội chợ, triển lãm giới thiệu đặc sản, sản phẩm làng nghề ở nước ngoài (được cơ quan quản lý lựa chọn). Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 02 lượt/năm;

- Hỗ trợ tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn. Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)/01 đề án.

b) Hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dự án

Điều kiện được hỗ trợ: Có dự án áp dụng được xây dựng theo quy định.

Nội dung và mức hỗ trợ:

- Áp dụng sáng chế, giải pháp hữu ích nhằm nâng cao năng suất, chất lượng các đặc sản trên địa bàn (kể cả sáng chế của nước ngoài không bảo hộ tại Việt Nam). Được hỗ trợ 70% giá trị, nhưng tối đa không quá 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)/01 dự án;

- Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất, sáng kiến; áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến trong trồng trọt, chăn nuôi; các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến, bảo quản nông sản, đặc sản; xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương gắn với phát triển thương hiệu các đặc sản Huế. Được hỗ trợ 70% giá trị, nhưng tối đa không quá 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) đồng/01 dự án;

- Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản địa phương, sản phẩm làng nghề, sản phẩm đặc thù của địa phương đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận. Được hỗ trợ 70% giá trị, nhưng tối đa không quá 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng)/01 dự án;

- Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề. Được hỗ trợ 70% giá trị, nhưng tối đa không quá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)/01 dự án.

c) Ngân sách nhà nước bảo đảm 100% kinh phí, để thực hiện các nội dung:

- Nâng cao nhận thức về tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ;
- Tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý và hợp tác về sở hữu trí tuệ.

7. Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư

a) Về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân đã được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cơ quan có thẩm quyền công nhận và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương và quốc phòng, an ninh được Nhà nước xem xét mua theo quy định của pháp luật về mua sắm sử dụng vốn nhà nước.

b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;
- Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn trong thời gian không quá 03 năm kể từ thời điểm ứng dụng, chuyển giao;
- Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ có phương án khả thi về thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

c) Mức hỗ trợ: Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/01 kết quả nghiên cứu.

8. Hỗ trợ mua, nghiên cứu hoàn thiện sáng chế, sáng kiến để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng hoặc phát triển ý tưởng, dự án khởi nghiệp

a) Điều kiện được hỗ trợ: Đạt một trong các điều kiện sau:

- Sáng chế, sáng kiến đã được ứng dụng hiệu quả ở quy mô nhỏ được Nhà nước xem xét mua để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng theo quy định của pháp luật về mua sắm sử dụng vốn nhà nước;
- Các ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đạt giải nhất, giải nhì cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Đối với hỗ trợ mua, nghiên cứu hoàn thiện sáng chế, sáng kiến để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng: Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/01 nhiệm vụ;
- Đối với phát triển ý tưởng, dự án khởi nghiệp: Theo quy định hiện hành về thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Tổ chức, cá nhân có sản phẩm khoa học và công nghệ theo quy định.

- Tham gia vào các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ thông qua các sự kiện như: Chợ công nghệ và thiết bị (*Techmart*); diễn đàn cung - cầu công nghệ (*TechDemo*); Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest), sự kiện về công nghệ, thiết bị do Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ truyền thông, thông tin;
- Hỗ trợ một phần kinh phí thuê mặt bằng, gian hàng;
- Hỗ trợ một phần kinh phí thiết kế và vận chuyển sản phẩm.

c) Mức hỗ trợ: Đối với đề nghị hỗ trợ tham gia các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ: Tối đa không quá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/doanh nghiệp và không quá 02 lượt/doanh nghiệp/năm.

Điều 6. Kinh phí hỗ trợ

Từ nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách cấp tỉnh cấp được cân đối trong dự toán ngân sách hằng năm./.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu